

BÁO CÁO KHẢO SÁT THỰC TRẠNG QUẢN LÝ SẢN XUẤT LÚA GẠO Ở CUBA (Tiếp theo và hết)

PGS. TS VŨ TRỌNG KHẢI

Phần thứ 2

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG QUẢN LÝ SẢN XUẤT LÚA GẠO Ở CUBA

I. Tiến trình khảo sát.

Trong thời gian từ cuối tháng 12 năm 2010 đến ngày 18 tháng 4 năm 2011 chúng tôi đã tiến hành làm việc, trao đổi với những người có trách nhiệm ở các tổ chức sau:

1) Chủ nhiệm hợp phần dự án sản xuất lúa nhân dân thuộc dự án hợp tác sản xuất lúa Việt Nam – Cuba giai đoạn 3: Ông Luis Aleman Mansffar và chủ nhiệm kỹ thuật dự án hợp tác sản xuất lúa Việt Nam – Cuba giai đoạn 4: ông Jorge Hernandez Concepcion;

2) Tập đoàn sản xuất cây có hạt trực thuộc Bộ Nông nghiệp: Trao đổi với các giám đốc sản xuất, hậu cần, cơ khí, kinh tế và nhân sự;

3) Các CAI và Empresa (doanh nghiệp) trực thuộc Tập đoàn cây có hạt ở tỉnh Matanzas, Cienfuegos và tỉnh Granma: Làm việc và trao đổi với Tổng giám đốc, các giám đốc sản xuất, kinh tế, nhân sự, hậu cần, cơ khí. Tại mỗi đơn vị này chúng tôi còn làm việc với một số đơn vị trực thuộc doanh nghiệp là UEB và Granja phụ trách sản xuất lúa và cơ khí;

4) Làm việc và trao đổi với lãnh đạo của 2 CPA, 2 UBPC và 2 CCS ở 2 tỉnh Matanzas và Granma (3 loại hình HTX của Cuba hiện nay);

5) Làm việc và trao đổi với 03 nông dân truyền thống, có đất thừa kế, hiện đang là xã viên của CCS; 02 công nhân nhận khoán sản xuất lúa và 01 thợ cơ khí lái máy kéo ở Granja số 10 (mô hình UEB) trực thuộc CAI Caliso Echeneque tỉnh Granma;

6) Làm việc và trao đổi với lãnh đạo của Sở nông nghiệp tỉnh Granma, Phòng nông nghiệp huyện Yara thuộc tỉnh Granma;

7) Làm việc và trao đổi với ông Thứ trưởng Bộ nông nghiệp và một số cán bộ lãnh đạo cơ quan tham mưu của Bộ như Vụ hợp tác quốc tế, Vụ thương mại, Vụ kế hoạch, Vụ kế toán, Cục quản lý các đơn vị cơ sở, Trung tâm quản lý quốc gia về ruộng đất và máy kéo... Ngoài ra, chúng tôi còn làm việc với ông Viện trưởng Viện cây có hạt trực thuộc Tập đoàn cây có hạt và một trại thực nghiệm của Viện ở tỉnh Granma.

8) Nhóm chuyên gia Việt Nam và Cuba thảo luận về bài học kinh nghiệm đổi mới quản lý nông nghiệp Việt Nam, nội dung khuyến nghị thí điểm áp dụng chính sách mới trong sản xuất lúa gạo ở Cuba.

9) Hội thảo về bài học đổi mới quản lý trong nông nghiệp Việt Nam và đề xuất khuyến nghị áp dụng chính sách mới trong sản xuất lúa gạo ở Cuba.

II. Một số thu hoạch.

1. Tình hình chung về sản xuất lúa gạo.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê Cuba năm 2008: Diện tích đất nông nghiệp rất lớn (6,619 triệu ha), bình quân 7,35ha trên 01 người lao động nông nghiệp trực tiếp và 5,09ha trên 01 lao động toàn ngành nông nghiệp. Trong tổng diện tích đất nông nghiệp, có 1,187

triệu ha đất trồng cây hàng năm (Khối quốc doanh: 294 ngàn ha hay 24,76%; khối ngoài quốc doanh: 893,2 ngàn ha hay 75,24%). Riêng diện tích canh tác lúa là 176,6 ngàn ha chiếm 14,5% đất canh tác hàng năm (Khối quốc doanh có 85,3 ngàn ha hay 48,3%; khối nông dân và HTX: 91,3 ngàn ha hay 51,7% đất canh tác lúa). Với diện tích canh tác lúa như trên, hàng năm Cuba mới đảm bảo cung ứng 30 - 35% nhu cầu tiêu dùng gạo của 11 triệu người dân (năm 2008 sản xuất được 436 ngàn tấn thóc tươi (độ ẩm 20%), quy khô là 405,48 ngàn tấn thóc khô (độ ẩm 13%), tương đương 259,507 ngàn tấn gạo, đáp ứng khoảng 34,6% nhu cầu. Riêng năm 2010, Cuba phải dành 1,4 tỷ USD để nhập khẩu lương thực - thực phẩm.

Diện tích và sản lượng lúa Cuba năm 2010

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)
1	Tổng diện tích (ha)	146.368,9	159.578,4	109
1.1	Khối quốc doanh	30.604,6	28.549,8	93
1.2	Khối HTX, nông dân	116.056,7	131.028,6	113
2	Tổng sản lượng (tấn gạo)	327.000,0	227.176,4	69
2.1	Khối quốc doanh	77.000,0	40.005,9	52
2.2	Khối HTX, nông dân	250.000,0	187.170,5	75

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Cuba

Tiềm năng sản xuất của Cuba còn rất lớn, vì trong tổng diện tích đất nông nghiệp 6,619 triệu ha hiện nay, diện tích không canh tác chiếm tới 3,631 triệu ha (bằng 54,85% tổng diện tích đất nông nghiệp), diện tích hoang hóa là 1,232 triệu ha (bằng 18,6% tổng diện tích đất nông nghiệp). Năm 2003, Cuba đã sản xuất được 715 ngàn tấn thóc tươi (độ ẩm 20%), tương đương 664,95 ngàn tấn thóc khô (độ ẩm 13%), hay 425,568 ngàn tấn

gạo (64%), bằng 1,64 lần sản lượng năm 2008. Mặt khác, năng suất lúa còn thấp xa so với tiềm năng. Năm 2008, năng suất bình quân mới đạt 2,3 tấn lúa khô/ha canh tác lúa, hay 1,47 tấn gạo/ha canh tác lúa. Tỉnh Granma là vùng trọng điểm sản xuất lúa của đất nước, năm 2010 mới sản xuất được 60 ngàn tấn gạo trên 45 ngàn ha gieo trồng, đạt năng suất 2,2 tấn lúa khô/ha hay 1,4 tấn gạo/ha, chỉ bằng 1/3 tiềm năng.

Kế hoạch sản xuất lúa của Cuba năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn gạo)
1	Khối quốc doanh	41.937,4	72.990,8
2	Khối HTX và nông dân	131.259,9	202.309,2
	Tổng số	173.247,3	275.300,0

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Cuba

Khối sản xuất lúa HTX và nông dân chiếm 51,7% diện tích canh tác lúa cả nước nhưng làm ra 80% sản lượng lúa gạo, trong điều kiện vật tư chỉ được cung cấp bằng 40-50% so với khối quốc doanh. Đó là điều đáng suy ngẫm.

Tất cả những điều nói trên cho thấy, Cuba hoàn toàn có khả năng sản xuất đủ lúa gạo cho tiêu dùng trong nước và hơn thế, có thể xuất khẩu gạo trong tương lai gần, nếu áp dụng những chính sách vĩ mô và cơ chế quản lý thích hợp.

2. Tình hình tổ chức sản xuất lúa gạo.

2.1. Tập đoàn kinh tế nhà nước sản xuất cây có hạt.

Việc sản xuất lúa gạo theo kế hoạch nhà nước, đảm bảo 70% nhu cầu vào năm 2015 và 100% nhu cầu vào năm 2020 được giao cho Tập đoàn kinh tế nhà nước sản xuất cây có hạt trực thuộc Bộ nông nghiệp. Tập đoàn vừa tự tổ chức sản xuất, chế biến lúa gạo trên diện tích đất nhà nước giao, vừa hợp đồng với khối nông dân và HTX sản xuất lúa gạo, bao gồm các loại HTX (CPA, UBPC, CCS) theo nội dung: Tập đoàn cung cấp vật tư,

dịch vụ canh tác cơ giới, khuyến nông và mua lúa (tươi, khô, gạo nguyên liệu) để sấy, xay xát, bán buôn gạo cho hệ thống thương mại quốc doanh để bán lẻ cho người tiêu dùng.

Tập đoàn cây có hạt là một tổ chức có đầy đủ tư cách pháp nhân, hạch toán cân đối thu- chi toàn ngành từ khâu cung ứng vật tư, máy móc, dịch vụ, sản xuất, thu hoạch, chế biến, cất trữ lúa và các sản phẩm cây có hạt. Tập đoàn là cấp quản lý vi mô cao nhất của ngành sản xuất cây có hạt, có tổng giám đốc, 05 phó tổng giám đốc với 5 cơ quan giúp việc là:

- Ban sản xuất;
- Ban công nghiệp chế biến;
- Ban kinh tế;
- Ban hậu cần;
- Ban nhân sự;

Tập đoàn hoạt động trên 10 tỉnh trong tổng số 16 tỉnh, thành phố của cả nước. Các Empresa là đơn vị cấp dưới trực thuộc Tập đoàn, có tư cách pháp nhân (tạm gọi là doanh nghiệp, enterprise hay business), được phân làm 5 loại khác nhau:

1 - Empresa vừa có đất sản xuất cây có hạt, trong đó có đất trồng lúa, vừa có công nghiệp chế biến, vừa ký hợp đồng cung cấp vật tư, dịch vụ canh tác bằng máy, mua lúa của khối nông dân và HTX (CPA, CCS, UBPC), được gọi bằng tên chung là CAI;

2 - Empresa chỉ có đất trồng cây có hạt, đất chăn nuôi, không có đất trồng lúa,

nhưng có công nghiệp chế biến lúa gạo, hợp đồng với khối nông dân và HTX trong việc cung ứng vật tư, dịch vụ canh tác lúa bằng cơ giới lớn, khuyến nông và mua lúa tươi để chế biến, cũng được gọi là CAI;

3 - Empresa không có đất sản xuất nông nghiệp nhưng có xưởng chế biến, máy móc canh tác lớn, xưởng cơ khí, ký hợp đồng với khối nông dân và HTX (CCS, CPA, UBPC) trong việc cung cấp vật tư, dịch vụ canh tác bằng máy, khuyến nông, mua lúa tươi để sấy, xay xát; Ngành chăn nuôi hiện có ở một số doanh nghiệp và CAI sẽ được tách ra, chuyển cho đơn vị khác, để thực hiện chuyên sản xuất cây có hạt, trong khi sản xuất nông nghiệp vốn là ngành đa canh trên mỗi vùng sinh thái. Cần suy nghĩ thêm về điều này.

4 - Empresa cung ứng vật tư cho toàn ngành cây có hạt: Nhận vật tư từ tập đoàn hậu cần trực thuộc Bộ nông nghiệp (Tập đoàn này mua vật tư của công ty nhập khẩu Bộ Ngoại thương), mua một số loại vật tư khác (phụ tùng máy móc, dụng cụ...) của các doanh nghiệp cung ứng khác để cung cấp cho các đơn vị thuộc tập đoàn cây có hạt. (Empresa này chỉ trực tiếp nhập khẩu và cung cấp một số vật tư chuyên dùng);

5 - Empresa liên doanh với nước ngoài, hoàn toàn tự chủ kinh doanh.

Các Empresa có các đơn vị sản xuất cơ sở với tên gọi UEB (không có tư cách pháp nhân), đôi khi gọi là Granja, tùy theo thói quen mỗi địa phương. Các UEB có các đơn vị trực thuộc nhỏ hơn,

được gọi là Finca, Lote (lúa), Brigada (dịch vụ cơ giới, trồng rau, lúa), Vaqueriat (chăn nuôi)... xưởng sửa chữa máy móc, đội máy canh tác, tưới nước. Các đơn vị nhỏ (Lote) canh tác lúa này có một số người lao động nhận khoán với mức bình quân 13,42 ha/người. Thông thường mỗi Lote có dưới 200ha. Việc nghiệm thu các dịch vụ (làm đất, gieo hạt, phun thuốc trừ cỏ, trừ sâu...) do lãnh đạo của Lote ký.

Như vậy, từ cấp tập đoàn đến người lao động nhận khoán có 4 cấp quản lý. Đó là một chuỗi các cấp quản lý khá dài, nhất là đối với sản xuất nông nghiệp có đối tượng là các sinh vật, tạo điều kiện nảy sinh tệ quan liêu, lãng phí và mất mát. Quy mô quản lý của tập đoàn, của mỗi CAI, Empresa, của UEB là quá lớn so với khả năng kiểm soát của con người đối với quá trình sinh học diễn ra trên đồng ruộng và chuồng trại. Tập đoàn cũng là doanh nghiệp đồng thời là cấp trên của doanh nghiệp (empresa). Điều này khiến cho cả tập đoàn và doanh nghiệp cấp dưới cùng tranh chấp quyền tự chủ kinh doanh (nếu có quyền tự chủ).

Việc giao khoán cho người lao động là hướng đi đúng để “giảm tải” trong quản lý của các cấp của Tập đoàn. Nhưng người nhận khoán chưa đủ quyền hạn và khả năng chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng sản phẩm giao khoán.

2.2. Các Hợp tác xã

Các HTX ở Cuba được tổ chức theo 3 loại:

- Hợp tác xã tín dụng-dịch vụ (CCS): Đây là hợp tác làm dịch vụ, xã

viên có ruộng đất riêng do thừa kế, tự chủ sản xuất nông nghiệp, được sự trợ giúp của nhà nước thông qua các đơn vị của Tập đoàn kinh tế nhà nước sản xuất cây có hạt;

- Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (CPA): Hợp tác xã tổ chức sản xuất tập thể trên cơ sở tập thể hóa quyền sở hữu ruộng đất của xã viên;

- Đơn vị sản xuất hợp tác xã (UBPC): Đây là loại hình HTX được thành lập do tách một bộ phận của các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước (Empresa hay CAI) hoạt động kém hiệu quả, trong đó ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước, các tư liệu sản xuất và tiền vốn thuộc sở hữu tập thể.

Các hợp tác xã ký hợp đồng với các doanh nghiệp nông nghiệp của Tập đoàn trong việc nhận cung ứng vật tư, dịch vụ canh tác bằng máy lớn, khuyến nông và bán sản phẩm (lúa tươi, lúa khô, gạo nguyên liệu). Nông dân không phải là xã viên HTX sẽ không được cung ứng vật tư, nên buộc phải vào HTX. Chính sách nhà nước phân biệt đối xử giữa 2 chủ thể kinh tế HTX và nông dân không phải là xã viên HTX.

Cả Tập đoàn cây có hạt, các CAI, Empresa trực thuộc tập đoàn và các HTX (CCS, CPA, UBPC) đều không thực sự kinh doanh vì không có quyền tự chủ kinh doanh, không có quyền tự cân đối đầu vào-đầu ra của quá trình sản xuất, không thể tự cân đối thu-chi tài chính. Bài toán cân đối đầu vào-đầu ra và thu-chi chỉ được giải ở cấp vĩ mô.

3. Một số chính sách và cơ chế quản lý vĩ mô hiện hành mang tính đổi mới.

3.1. Chính sách ruộng đất.

Pháp lệnh số 259 của Hội đồng nhà nước ban hành năm 2008:

- Diện tích đất nông nghiệp thuộc sở hữu nhà nước bị bỏ hoang được giao cho người lao động và các tổ chức có tư cách pháp nhân (thường là các hợp tác xã UBPC, CPA, CCS) để sản xuất nông nghiệp theo kế hoạch nhà nước trong thời hạn 10 năm đối với người lao động và 25 năm đối với tổ chức. Người lao động nhận đất nông nghiệp theo Pháp lệnh 259 buộc phải vào HTX. Hạn chế thời gian sử dụng đất khiến nông dân không chăm lo cải tạo đất mà chỉ khai thác đất. Đến nay quỹ đất hoang hóa là 1,758 triệu ha, diện tích đã giao theo Pháp lệnh 259 là 735,63 ngàn ha, chiếm 41,82% diện tích đất hoang hóa; Trong đó đất lúa là 53,625 ngàn ha, chiếm 7,29% diện tích đất đã giao và chiếm 3% diện tích đất hoang hóa. Như vậy tiềm năng tăng diện tích đất lúa theo Pháp lệnh 259 còn rất lớn.

- Tổng số người lao động được giao đất theo Pháp lệnh này là 140 ngàn người, trong đó 30 ngàn người là thanh niên. Mỗi người được giao tối đa 13,42 ha đối với người chưa có đất canh tác và chưa có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, tối đa 40 ha (kể cả ruộng đã có trước đây) đối với nông dân đã có đất. Hạn điền sẽ hạn chế sự phát triển của những nông dân sản xuất giỏi.

- Ruộng đất trong nông nghiệp không được mua bán tự do giữa người

dân và các tổ chức với nhau. Khi không sản xuất nông nghiệp, người dân là chủ sở hữu đất nông nghiệp chỉ được bán cho nhà nước theo giá quy định (2000 peso/1 CAB đất loại 1 và 500 peso/CAB đất loại 4; 1CAB = 13,42 ha). Nhà nước sẽ giao đất này cho người lao động và các tổ chức.

Trên thực tế, có hộ nông dân tuy đã có 26,84ha vẫn thuê thêm 5,5 ha đất nông nghiệp với mức địa tô 20% giá trị nông sản hàng hóa/năm và thực tế họ đã mua bán trao tay một phần diện tích trong số đó. Có cung ắt có cầu. Quan hệ mua bán, dù là bất hợp pháp, vẫn diễn ra. Hơn nữa, nhờ thế những diện tích đất này đã được giao đúng địa chỉ cho người sản xuất giỏi, có hiệu quả.

- Luật không cho phép chia nhỏ ruộng đất thuộc sở hữu của nông dân khi thừa kế cho các con, để đảm bảo quy mô của mỗi Finca (Trang trại - Farm) không bị nhỏ đi theo thời gian. Đó là một chính sách đúng đắn mà Việt Nam cần học tập. Những Finca do nhiều người thừa kế cùng làm chủ sở hữu chính là trang trại hợp danh hay công ty hợp danh kinh doanh nông nghiệp như luật Việt Nam đã quy định (farming partnership).

3.2. Chính sách cung ứng vật tư, máy móc nông nghiệp và dịch vụ canh tác.

Vật tư nông nghiệp chủ yếu là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn gia súc, nhiên liệu (xăng, diesel) do các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ ngoại thương nhập khẩu. Nhiên liệu được cung ứng theo hệ thống riêng,

các loại vật tư khác được giao cho Tập đoàn hậu cần của Bộ Nông nghiệp để giao cho Tập đoàn cây có hạt và khối HTX nông nghiệp. Empresa hậu cần của Tập đoàn cây có hạt chỉ nhập và cung ứng các loại vật tư chuyên dùng. Các empresa và CAI của Tập đoàn cây có hạt ký hợp đồng cung ứng vật tư và dịch vụ bằng máy cho các HTX với giá rẻ. Nông dân ngoài HTX không được cung ứng vật tư.

Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa nói riêng, giá bán vật tư cho các đơn vị sản xuất nông nghiệp cho cả 2 khối quốc doanh và dân doanh rất rẻ, gần như cho không. Ví dụ dầu Diesel bán cung cấp với giá 0,75 peso/lít, trong khi giá bán tự do tại cây xăng của nhà nước là 25 peso/lít, (giá nhập khẩu ở Việt Nam khoảng 15 peso/lít), còn giá chợ đen vào khoảng 7-8 peso/lít; Giá phân Ure nhập khẩu 400USD/tấn (khoảng 8 peso/kg) nhưng bán cung cấp theo kế hoạch và hợp đồng là 24 peso/50kg (chưa đến 0,5peso/kg).

Giá vật tư quá rẻ khiến người sử dụng để sản xuất không tự hạch toán được hiệu quả tài chính và nhất là không tiết kiệm, gây lãng phí lớn. Một CCS ở tỉnh Granma sử dụng 1 xe vận tải quá cũ, tiêu hao tới 40 lít dầu diesel cho 100 km, cao hơn gấp 2 lần mức bình thường.

Các máy móc nông nghiệp cũng được nhập khẩu và cung ứng với giá rẻ như các loại vật tư nông nghiệp. Nhưng điều khác là máy móc chỉ bán cho các CAI, Empresa nhà nước, không bán cho các HTX và nông dân. Máy móc hiện sử

dụng của HTX và nông dân là các máy cũ có từ trước cách mạng (1959) và mua thanh lý máy cũ của các CAI và Empresa. Phụ tùng thay thế không được cung ứng cho HTX và nông dân, nên máy kéo, xe vận tải của họ ở trong tình trạng kỹ thuật rất kém, tiêu hao nhiều nhiên liệu, không sử dụng được hết công suất, gây lãng phí lớn. Như vậy chính sách nhà nước lại có sự phân biệt đối xử giữa các chủ thể kinh tế (doanh nghiệp nhà nước và HTX, nông dân).

Một nông dân ở tỉnh Matanzas mua gom linh kiện, phụ tùng cũ lắp ráp được một máy kéo công suất 50CV, dư thừa so với nhu cầu canh tác của mình, nhưng không dám làm dịch vụ cho các nông dân khác, vì sợ hư hỏng không có phụ tùng thay thế. Hợp tác xã CCS Particial Lumumba ở tỉnh Granma có 1005 ha canh tác, trong đó diện tích canh tác lúa là 110 ha. CCS này có tới 170 máy kéo, 20 trong tổng số 48 xã viên trồng lúa có máy kéo, nhưng vì không có đủ phụ tùng thay thế nên số máy này không đáp ứng yêu cầu canh tác, HTX vẫn phải thuê dịch vụ canh tác bằng máy của CAI.

Như vậy, chỉ có một kênh duy nhất của nhà nước với nhiều tầng nấc trung gian quản lý khác nhau (từ Bộ Ngoại thương, Bộ Nông nghiệp, Tập đoàn, CAI, HTX, nông dân) cung cấp vật tư nông nghiệp cho sản xuất của cả khối quốc doanh và dân doanh. Riêng máy móc nông nghiệp, nhà nước chỉ cung cấp cho khối quốc doanh. Vì thế, không có sự cạnh tranh trong hoạt động cung ứng vật tư, máy móc cho sản xuất nông nghiệp

cho cả khối quốc doanh và dân doanh. Do đó, chi phí cho nhập khẩu và chi phí lưu thông vật tư, máy móc cao là rất có thể xảy ra và không kiểm soát được. Mặt khác, chính sách giá bán vật tư, máy móc rẻ khiến nhà nước không cân đối được ngoại tệ để tiếp tục nhập khẩu. Vì vậy, tình trạng thiếu vật tư, máy móc diễn ra thường xuyên, nghiêm trọng, kéo dài.

Những khiếm khuyết này lại không thể quy được trách nhiệm cho ai, từ ngân hàng cấp tín dụng ngoại tệ đến doanh nghiệp nhập khẩu, doanh nghiệp cung ứng cho sản xuất. Điều đó cũng tạo nên cơ chế xin-cho giữa tổ chức cung ứng và tổ chức sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện cho các hành vi tiêu cực và thị trường bất hợp pháp nảy sinh. Kết quả là sản lượng lúa gạo không năm nào đạt được chỉ tiêu kế hoạch và chỉ đáp ứng khoảng 30-35% nhu cầu; năng suất lúa đạt thấp, chỉ bằng 1/3 đến 1/2 tiềm năng. Nếu đáp ứng được kịp thời và đủ vật tư, máy móc, năng suất có thể đạt 4 tấn thóc khô/ha gieo trồng, Cuba có thể tự túc được 70% nhu cầu gạo của 11 triệu dân, mà chưa cần tăng thêm diện tích canh tác lúa.

3.3. Chính sách tín dụng.

Tất cả các CAI, Empresa và các HTX, xã viên đều được vay tín dụng của ngân hàng quốc doanh để thanh toán bằng chuyển khoản trong việc mua vật tư máy móc, đóng phí bảo hiểm sản xuất, bảo hiểm xã hội và nhận tiền mặt để trả lương, trả tiền mua nông sản. Việc trả lương hàng tháng (tạm ứng) và vào cuối vụ (tiền

thường) bằng tiền trong các HTX là một tiến bộ đáng khích lệ, tuy rằng cơ chế phân phối tiền lương, tiền thưởng còn cần được tiếp tục hoàn thiện.

Lãi suất tín dụng rất thấp, chỉ khoảng 1%/năm đối với vay dài hạn và 5%/ năm đối với vay ngắn hạn; Căn cứ hợp đồng giữa CAI, Empresa với HTX, xã viên trong việc cung ứng vật tư, dịch vụ và mua lúa tươi, ngân hàng ký hợp đồng tín dụng với HTX (CPA, CCS, UBPC) và cả với xã viên thông qua HTX (CCS). Đó là một chính sách rất tốt, tuy vậy cũng cần xem xét lại lãi suất tín dụng có thấp quá không? Bởi vì lãi suất tiền gửi tiết kiệm là 4-6%/năm. Chênh lệch giữa lãi suất cho vay (tín dụng) và lãi suất huy động tiền tiết kiệm của ngân hàng thương mại quốc doanh lại gây thêm khó khăn cho ngân sách nhà nước.

3.4. Chính sách giá cả nông sản.

Để khuyến khích sản xuất lúa gạo, giá mua lúa gạo của cả khối dân doanh rất cao so với chi phí sản xuất. Năm 2010 giá mua lúa tươi tại đơn vị sản xuất (HTX, xã viên) là 130 pesos/46kg, tương đương 2,82 pesos/kg. Ông chủ tịch UBPC Comagugy tỉnh Camaguey (ông Rololto Raminéz Sguel) cho biết chi phí 1.266,7 pesos/ha gieo trồng lúa, đạt năng suất 2,79 tấn thóc khô, chi phí 1 tấn lúa khô là 454,038 pesos. Giá bán tại HTX là 3.038 pesos/tấn thóc khô. Như vậy, HTX lãi 2.583,96 pesos/tấn và 7.209,25 pesos/ha. Nếu 1 xã viên được nhận 13,42 ha theo Pháp lệnh 259 sẽ làm ra 96.748,135 pesos/ha/vụ lúa, còn nếu theo mức bình

quân diện tích canh tác lúa ở HTX này là 7,5 ha, mỗi xã viên làm ra 54.069,37 pesos/ha/1 vụ lúa. Do đó thu nhập của xã viên trong UBPC rất cao. Lương tạm ứng hàng tháng 385 pesos; tiền thưởng bình quân cuối vụ 45.000 pesos, bình quân một tháng là 7500 pesos. Như vậy 1 xã viên thu nhập 7885 pesos/tháng, chưa kể 200 pesos/vụ là tiền khuyến khích như đảm bảo gieo đúng mật độ, dọn ruộng sạch sẽ...Thu nhập của nông dân và lãi của HTX cao nên họ muốn đầu tư tái sản xuất mở rộng nhưng không mua được máy móc và vật tư, mặc dù sẵn sàng trả giá cao theo giá thị trường quốc tế.

HTX trồng lúa có lãi lớn chủ yếu do giá vật tư quá thấp, gần như cho không. Trong khi đó lương công nhân trồng lúa tại Granja 10 thuộc CAI ở Granma rất thấp. Tiền lương tạm ứng hàng tháng chỉ có 275 pesos, vụ vừa qua không đạt kế hoạch nên không có tiền thưởng. Công nhân lái máy kéo lớn 250HP ở đơn vị này, tiền lương tạm ứng cũng chỉ có 275 pesos/tháng và tiền thưởng bằng 6 tháng lương tạm ứng, thu nhập bình quân là 550 pesos/tháng, không đủ sống. Điều đó đã làm nảy sinh vấn đề xã hội: Thu nhập của công nhân trồng lúa trong khu vực quốc doanh quá thấp, chỉ bằng 1/14 thu nhập của xã viên HTX (UBPC).

Sở dĩ các CAI và Empresa không thể trả lương cao so với HTX (UBPC) ngoài nguyên nhân năng suất lúa thấp hơn còn chủ yếu do giá bán lúa quá thấp (976 pesos/tấn gạo) so với giá mua của HTX và nông dân (6300 pesos/tấn). Lãi tính

trên 1 kg gạo năm 2010 của CAI Fernando Echenique chỉ có 7 pesos/tấn.

Năm 2011, chính sách giá đã có thay đổi, giá mua lúa gạo của cả khối quốc doanh và dân doanh là như nhau. Về nguyên tắc, luật pháp, chính sách nhà nước không được phân biệt đối xử giữa các chủ thể trong cùng 1 hành vi. Chính sách chỉ có thể phân biệt đối xử theo ngành sản xuất và vùng lãnh thổ do có điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội khác nhau.

Giá bán gạo của nhà nước cho người tiêu dùng, kể cả người sản xuất lúa gạo, rất thấp so với giá mua. Giá bán gạo theo định lượng 3,5 kg/người/tháng chỉ có 0,54 pesos/1kg, bằng 8,5% giá mua gạo. Giá bán gạo ở chợ do nhà nước quy định (không hạn chế khối lượng mua) là 3,5 pesos/0,46 kg, nhưng cũng chỉ gần bằng giá mua gạo. Do giá mua gạo để tiêu dùng quá thấp, gần như cho không (giá sữa cũng vậy: mua 2,3 pesos/lít, bán 0,25 pesos/lít) nên người dân sử dụng rất lãng phí.

Nhìn chung chính sách giá cả hiện hành cả trong việc cung cấp vật tư, máy móc để sản xuất và trong việc bán nông sản cho người tiêu dùng đều rất thấp xa so với giá trị thực, nên chẳng những làm méo mó thị trường, khiến doanh nghiệp, HTX không hạch toán được đúng lãi-lỗ, hiệu quả kinh doanh của mỗi mặt hàng, mỗi chu kỳ sản xuất, mà còn gây ra tình trạng sử dụng rất lãng phí. Trong khi đó, nhà nước phải dành dụm từng đồng ngoại tệ để nhập khẩu vật tư, xăng dầu, máy

móc và lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước. Nông dân và HTX có thu nhập và lãi cao, nhưng không thể tái đầu tư mở rộng sản xuất.

Chính sách giá cả này khiến cả đất nước trở thành một doanh nghiệp duy nhất do chính phủ vừa quản lý hành chính vừa điều hành kinh doanh, hạch toán lỗ-lãi, cân đối thu-chi và xuất nhập khẩu. Điều đó chẳng những triệt tiêu động lực sáng tạo của doanh nghiệp, HTX và người lao động mà còn gây ra tình trạng “quá tải” trong quản lý ở cấp vĩ mô. Tình trạng quá tải trong quản lý sẽ tạo ra bộ máy hành chính vừa cồng kềnh, vừa kém hiệu quả, lại gây ra tình trạng quan liêu, cửa quyền, lãng phí và tiêu cực khác trên quy mô lớn.

3.5. Chính sách sản xuất theo hợp đồng.

Tất cả các HTX (CCS, CPA, UBPC) sản xuất lúa và các CAI, Empresa cung cấp vật tư, dịch vụ canh tác bằng máy cho HTX và mua lúa tươi của HTX để sấy, xay xát thành gạo, đều ký hợp đồng với nhau. Nhờ giá vật tư và dịch vụ thấp, giá mua lúa cao, nên nông dân và HTX lãi lớn. Do vậy nông dân và HTX đều tự nguyện ký hợp đồng với CAI và Empresa. Đó là mối liên kết sản xuất rất cần phát triển để bảo đảm hiệu quả kinh tế của cả chuỗi giá trị của ngành sản xuất lúa gạo. Tuy nhiên, do thiếu vật tư, máy móc nên hợp đồng thường xuyên bị phá vỡ. Không bên nào chịu trách nhiệm và bị chệch tài do vi phạm hợp đồng. Đồng thời, giá

thu mua lúa chưa phản ánh đúng sự phân chia lợi ích giữa nông dân, HTX và doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ.

Nếu thay đổi chính sách và tổ chức kênh cung ứng vật tư, máy móc thì việc sản xuất theo hợp đồng giữa nông dân, HTX với các CAI, Empresa sẽ phát triển, nhưng cần các quy định cơ chế hình thành giá trong hợp đồng và có chế tài nghiêm khắc. Mặt khác, những tranh chấp giữa các bên ký kết hợp đồng chưa được các cơ quan độc lập, khách quan xử lý nên phía nông dân và HTX thường bị thiệt.

3.6. Chính sách khuyến nông.

Chính phủ chú trọng huấn luyện kỹ thuật canh tác cho người nhận đất theo Pháp lệnh 259 nhưng chưa có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên mạng lưới khuyến nông còn mỏng so với nhu cầu. Thu nhập của cán bộ khuyến nông chưa trực tiếp phụ thuộc vào kết quả sản xuất của người lao động nông nghiệp.

Tóm lại: Cần phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật để đổi mới tư duy và “cởi trói” cho nền kinh tế, cho mỗi doanh nghiệp, hợp tác xã và người lao động, khiến họ có thể hoạt động theo khả năng vốn có của mình, đưa nền kinh tế thoát khỏi tình trạng trì trệ trầm trọng hiện nay. Muốn phát triển bền vững và hiệu quả, lãnh đạo cần đổi mới tư duy và có kiến thức đủ để thiết lập và vận hành thể chế quản lý phù hợp với thực tiễn vốn rất đa dạng và luôn biến đổi.

Phần thứ 3

ĐỀ XUẤT KHUYẾN NGHỊ THÍ ĐIỂM ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÚA GẠO Ở CUBA

I. Một số định nghĩa.

Các thuật ngữ trong bản khuyến nghị này được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp (enterprise) trong tiếng Việt và Empresa trong tiếng Tây Ban Nha, được hiểu là một tổ chức kinh doanh tự chủ. Hoạt động của doanh nghiệp chỉ bị chi phối bởi luật pháp và chủ sở hữu. Không có doanh nghiệp cấp trên hay doanh nghiệp cấp dưới của một doanh nghiệp. Trong trường hợp này ở Cuba hiện nay, Bộ Nông nghiệp là đại diện sở hữu chủ Nhà nước đối với các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước sản xuất cây có hạt.

2. Hợp tác xã (ở Cuba là CPA, UBPC, CCS) được hiểu là một tổ chức kinh tế tập thể tự chủ, do người lao động tự nguyện góp công và/hoặc góp tài sản lập ra để đáp ứng yêu cầu của mình trong sản xuất và đời sống.

3. Trang trại (farm) trong tiếng Việt và Finca trong tiếng Tây Ban Nha được hiểu là một đơn vị sản xuất-kinh doanh nông nghiệp tự chủ, với các loại sau:

- Trang trại gia đình (farm household) là một loại trang trại chủ yếu sử dụng sức lao động và tiền vốn tự có của hộ nông dân. Nông dân là người chủ trang trại gia đình. Với tư cách thể nhân, nông

dân có quyền vay tín dụng ngân hàng như các pháp nhân khác.

- Trang trại cá nhân (Sole farm) là một loại trang trại do một người làm chủ và đầu tư vốn, chủ yếu sử dụng sức lao động làm thuê. Thông thường và phổ biến, số lượng người làm thuê chịu sự quản lý trực tiếp của chủ trang trại trong lao động trên các địa bàn và ở các khâu khác nhau của quá trình sản xuất nông nghiệp; chủ trang trại quản lý trực tiếp, không thiết lập cấp quản lý trung gian. Người chủ trang trại cá nhân thực chất là chủ doanh nghiệp cá nhân kinh doanh nông nghiệp. Chủ trang trại cá nhân phải đăng ký kinh doanh và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

4. Quyền tự chủ của các loại tổ chức nói trên được hiểu là quyền tự quyết định tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản phẩm, mua các nguồn lực đầu vào và vay vốn ngân hàng, phân phối thu nhập, tự hạch toán thu-chi, lãi lỗ và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả hoạt động của mình trước pháp luật và chủ sở hữu. Trong các quan hệ giao dịch dân sự, các doanh nghiệp, HTX (CPA, CCS, UBPC) sử dụng tư cách pháp nhân; các trang trại gia đình và trang trại cá nhân sử dụng tư cách thể nhân của người chủ trang trại.

5. Gia công sản xuất là hoạt động sản xuất ngoài danh nghiệp. Doanh nghiệp có vật tư sản xuất, nhưng thiếu các phương

tiện sản xuất khác và thiếu sức lao động, nên giao số vật tư đó cho người khác sản xuất. Doanh nghiệp sẽ được nhận lại toàn bộ số lượng sản phẩm làm ra tương ứng với số lượng vật tư nói trên với các tiêu chuẩn chất lượng nhất định. Doanh nghiệp gia công phải trả cho người nhận gia công một khoản thù lao lao động và các chi phí khác mà họ đã bỏ ra để sản xuất số sản phẩm nói trên. Hai bên giao và nhận gia công phải ký hợp đồng kinh tế.

II. Nội dung khuyến nghị.

Các khuyến nghị dưới đây sẽ được áp dụng phần lớn hay toàn bộ vào việc thí điểm mô hình chính sách mới ở một địa phương và/hoặc một tổ chức.

1. Những điều kiện tiên quyết.

1.1. Có cơ chế cạnh tranh giữa các chủ thể hoạt động trong cùng một lĩnh vực, một ngành hàng sản xuất-kinh doanh trên cùng một địa bàn (vùng lãnh thổ). Các lĩnh vực hoạt động và ngành hàng bao gồm: Nhập khẩu và bán các loại vật tư, trang thiết bị, máy móc và các nguồn lực khác; Sản xuất hàng hóa vật phẩm và dịch vụ; Chế biến và mua, bán sản phẩm.

1.2. Thực hiện sự đa dạng về sản phẩm, về hình thái tổ chức sản xuất và cơ chế quản lý trong các đơn vị kinh tế tự chủ được chọn làm thí điểm, đặc biệt là trong nông nghiệp. (điều này có nghĩa là trong một tổ chức được chọn làm thí điểm, các bộ phận cấu thành của nó sẽ có các hình thức tổ chức và cơ chế quản lý khác nhau,

phù hợp với những đặc thù về kinh tế, kỹ thuật của chúng).

1.3. Chính sách của nhà nước đảm bảo sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Khuyến nghị chính sách vĩ mô.

- Chính phủ dành một số ngoại tệ hiện đang dùng để nhập khẩu gạo chuyển sang nhập khẩu vật tư, máy móc, nhiên liệu... và bán cho các đơn vị có nhu cầu theo giá không bù lỗ và có mức lãi hợp lý. Các đơn vị được chọn thí điểm áp dụng chính sách phải sản xuất hay gia công sản xuất, mua gom đủ số lượng gạo tương ứng với số lượng vật tư và máy móc đã được mua, theo tiêu chuẩn chất lượng gạo do Chính phủ quy định. Chính phủ mua lại toàn bộ số lượng gạo này theo giá hợp lý, gần với giá quốc tế.

- Chính phủ bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để các HTX, trang trại mua vật tư, máy kéo, máy móc nông nghiệp, máy sấy lúa và xay xát gạo theo yêu cầu sản xuất của mình và hướng phát triển của địa phương, như các doanh nghiệp nhà nước.

- Chính phủ giao đất theo Pháp lệnh 259 cho người lao động để lập trang trại gia đình, trang trại cá nhân. Diện tích đất nông nghiệp giao theo khả năng, thời hạn sử dụng đất lâu dài. Chính phủ chỉ thu hồi đất khi người nhận đất vi phạm luật pháp về sử dụng đất nông nghiệp.

- Chính phủ tài trợ kinh phí cho hoạt động khuyến nông của doanh nghiệp và HTX theo nhu cầu của nông dân.

- Chính phủ tài trợ kinh phí kiểm toán hàng năm cho các loại HTX.

3. Khuyến nghị chính sách vi mô.

Xây dựng mô hình: a) doanh nghiệp nhà nước nhập khẩu và cung ứng vật tư, máy móc nông nghiệp; b) doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, hợp tác xã (CPA, UBPC, CCS) và trang trại trong chuỗi giá trị (value chain) ngành hàng lúa gạo.

3.1. Doanh nghiệp nhập khẩu và cung ứng vật tư, máy móc nông nghiệp (trừ xăng dầu).

Số ngoại tệ nhập khẩu vật tư, máy móc (nói ở phần trên) được Chính phủ cấp tín dụng với lãi suất hợp lý, không bao cấp, thông qua đấu thầu để chọn ra ít nhất 3 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước được khuyến khích tham gia đấu thầu. Số lượng vật tư, máy móc nhập khẩu này được bán theo giá không bù lỗ và có lãi hợp lý. Chính phủ quy định giá trần.

Bộ Nông nghiệp quy định danh mục các loại hóa chất và nông dược được phép sử dụng trong nông nghiệp ở Cuba và quy định điều kiện cần thiết phải có về cơ sở vật chất và con người của các doanh nghiệp kinh doanh các loại sản phẩm này. Trung tâm bảo vệ thực vật khuyến cáo cho các doanh nghiệp, HTX và nông dân về chủng loại nông dược được sử dụng ở Cuba, phù hợp với điều kiện sản xuất của các đơn vị này.

Các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, các HTX, trang trại được chọn làm

điểm xây dựng mô hình quản lý mới sẽ tùy ý chọn, ký hợp đồng trực tiếp đặt hàng mua vật tư, máy móc nông nghiệp với các doanh nghiệp nhập khẩu nói trên (không qua bất kỳ một tổ chức trung gian nào). Số lượng, chất lượng, thời gian cung ứng, địa điểm giao nhận hàng, các chế tài do các bên ký hợp đồng thỏa thuận trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Giá cả thỏa thuận nhưng không được vượt quá giá trần do Chính phủ quy định.

Xăng dầu vẫn do hệ thống hiện hữu nhập khẩu và cung cấp nhưng Nhà nước bảo đảm một số lượng ngoại tệ riêng nhập khẩu xăng dầu cung ứng cho các doanh nghiệp, HTX được chọn làm mô hình thí điểm. Cơ chế mua bán, giá cả giống như các loại vật tư khác.

3.2. Doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, hợp tác xã, trang trại được chọn thí điểm mô hình quản lý mới.

3.2.1. Lựa chọn doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, HTX và trang trại:

a) Tiêu chuẩn lựa chọn doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có đất sản xuất lúa và có thể luân canh hoặc chuyên canh một số cây trồng khác, có thể có chăn nuôi gia súc, gia cầm;

- Quy mô đất canh tác lúa của doanh nghiệp khoảng từ 2000 đến 4000 ha. Nếu không chọn được DN có từ 2000 đến 4000 ha và không đủ các điều kiện khác, có thể chọn một UEB có đủ điều kiện và chuyển thành 01 doanh nghiệp tự chủ;

- Doanh nghiệp có cơ sở sấy lúa tươi, kho chứa lúa khô và xay xát gạo; có hệ thống máy kéo, máy liên hợp gặt đập và các máy nông nghiệp khác, vừa để canh tác trên diện tích đất của mình vừa làm dịch vụ cho các HTX và trang trại lân cận. Nếu DN chưa đủ trang thiết bị, máy móc cần thiết, ngân hàng sẽ cấp tín dụng dài hạn với lãi suất hợp lý để doanh nghiệp mua. Chính phủ không bao cấp; Trang bị máy nông nghiệp và máy chế biến nông phẩm phải bảo đảm tính hệ thống, tương thích về số lượng máy, năng suất làm việc của máy ở mỗi khâu canh tác và chế biến của quá trình sản xuất - chế biến, để tránh lãng phí do “máy phải chờ ruộng” hay “ruộng phải chờ máy”.

- Doanh nghiệp có hệ thống tưới (kênh mương, hồ đập hay giếng khoan) bảo đảm yêu cầu sản xuất lúa;

- Doanh nghiệp có đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, cán bộ kỹ thuật và khuyến nông đủ năng lực. Nếu đội ngũ cán bộ hiện hữu còn thiếu về số lượng, năng lực thì Bộ Nông nghiệp sẽ bổ sung, thay thế bằng đội ngũ có năng lực.

- Lãnh đạo doanh nghiệp tự nguyện thực hiện thí điểm mô hình quản lý mới và tự xây dựng phương án thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ nông nghiệp.

b) Tiêu chuẩn lựa chọn các HTX (CPA, CCS, UBPC):

- Hợp tác xã tự nguyện tham gia thực hiện thí điểm mô hình quản lý mới;

- Hợp tác xã thuộc phạm vi hoạt động dịch vụ đầu vào-đầu ra của doanh nghiệp được chọn thí điểm mô hình quản lý mới;

- Hợp tác xã có có đất mang tính đại diện cho vùng sản xuất lúa và quy mô diện tích lúa tương đối lớn hơn so với các HTX trồng lúa khác trong vùng.

c) Tiêu chuẩn lựa chọn trang trại:

Các trang trại là thành viên của CCS được lựa chọn nói trên.

3.2.2. Mô hình quản lý thí điểm.

a) Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp nông nghiệp và HTX dạng CPA và UBPC.

a1. Doanh nghiệp và HTX giao khoán sản xuất cho người lao động theo các nội dung sau bằng một hợp đồng thỏa thuận tự nguyện:

- Số lượng diện tích đất giao khoán sản xuất cho người lao động trên một khu đất, nhiều hay ít tùy theo khả năng của doanh nghiệp, HTX và người lao động;

- Doanh nghiệp và HTX đảm bảo cung cấp đủ số lượng, chất lượng dịch vụ đầu vào-đầu ra (mua lúa và sản phẩm khác nếu có) cho người nhận khoán. Việc cung ứng vật tư và dịch vụ phải đúng lúc, phù hợp với yêu cầu thời vụ của cây trồng, vật nuôi (nếu có). Giá vật tư và dịch vụ do 2 bên thỏa thuận, bảo đảm không bù lỗ và có lãi hợp lý cho doanh nghiệp, HTX và người nhận khoán. Tổng giá trị vật tư và dịch vụ được quy thành số lượng lúa tươi

với các tiêu chuẩn chất lượng nhất định. Giá lúa tươi được 2 bên thỏa thuận trên cơ sở tham chiếu giá gạo mà nhà nước mua của doanh nghiệp, HTX. Người nhận khoán sẽ trả tiền mua vật tư và dịch vụ cho doanh nghiệp và HTX bằng số lượng lúa tươi với giá cả theo cách xác định nêu trên. Số lượng lúa tươi này gọi là mức sản lượng lúa giao-nhận khoán. Đối với sản lượng lúa ngoài mức khoán, người nhận khoán có thể giữ lại để ăn, chăn nuôi, bán ở chợ nông thôn hay bán cho doanh nghiệp theo giá thỏa thuận;

- Doanh nghiệp, HTX phải cung cấp cho người nhận khoán giống xác nhận, dịch vụ khuyến nông theo GAP;

- Người nhận khoán có trách nhiệm kiểm soát các khâu của quá trình sản xuất trên diện tích đất canh tác nhận khoán và tự thực hiện các khâu canh tác theo khả năng của mình, phù hợp với GAP;

- Người nhận khoán có quyền ký hợp đồng mua vật tư và dịch vụ với nhà cung cấp nào có lợi nhất cho mình;

- Người nhận khoán có quyền từ chối không mua một số hay tất cả các loại vật tư, dịch vụ do doanh nghiệp, HTX cung cấp;

- Người nhận khoán có quyền ký nghiệm thu hay từ chối nghiệm thu đối với các dịch vụ do doanh nghiệp, HTX cung cấp, thực hiện trên diện tích nhận khoán, nếu không đáp ứng yêu cầu đã được ghi trong hợp đồng giao-nhận khoán;

- Người nhận khoán phải trả cho doanh nghiệp, HTX bằng một số lúa tươi

tương ứng với giá trị vật tư, dịch vụ thực tế đã nhận từ doanh nghiệp, HTX;

- Người nhận khoán không được mua số lượng gạo do chính phủ cung cấp theo định lượng và giá bao cấp;

- Người nhận khoán tự nguyện mua BHXH để được nhận lương hưu;

- Hai bên giao-nhận khoán tự thỏa thuận giải quyết các tranh chấp trong việc thực hiện giao-nhận khoán. Nếu không thỏa thuận được, Phòng nông nghiệp huyện sẽ phân xử. Nếu một trong 2 bên không chấp nhận kết quả xử lý của Phòng nông nghiệp huyện, có quyền kiện ra Tòa theo luật pháp hiện hành. Bên nào sai sẽ phải đền bù giá trị thiệt hại.

a.2. Doanh nghiệp và HTX giao khoán công việc cho công nhân lái máy kéo, máy gặt và máy bơm nước (gọi chung là công nhân điều khiển máy):

Công nhân lái máy được giao máy ổn định. Doanh nghiệp, HTX giao khoán khối lượng, chất lượng công việc, thời gian bắt đầu và kết thúc công việc trên từng phần ruộng giao khoán sản xuất cho người lao động trồng lúa. Đồng thời doanh nghiệp, HTX khoán cho công nhân chi phí tiền lương, dầu, nhớt và chi phí sửa chữa bảo dưỡng máy móc tương ứng với khối lượng công việc giao khoán.

Mức tiền lương trung bình của công nhân lái máy trong định mức phải cao hơn mức thu nhập trung bình trong mức khoán của người nhận khoán đất sản xuất lúa. Nếu không hoàn thành nhiệm vụ,

công nhân điều khiển máy sẽ bị trừ lương theo mức độ thiệt hại.

Nếu sản lượng lúa do người nhận khoán trồng lúa trên diện tích do công nhân lái máy làm dịch vụ nộp và bán cho doanh nghiệp, HTX vượt mức khoán, công nhân lái máy được thưởng. Nguồn tiền thưởng này được trích từ tiền lãi của doanh nghiệp, HTX.

a.3. Giữa doanh nghiệp, HTX và người nhận khoán trồng lúa không có cấp quản lý trung gian.

Nếu số công nhân lái máy nhiều, doanh nghiệp, HTX có thể lập Đội máy canh tác và sửa chữa máy nông nghiệp.

a.4. Cán bộ khuyến nông của doanh nghiệp, HTX được giao phụ trách cố định một số người lao động nhận khoán cùng với diện tích canh tác nhận khoán của họ. Cán bộ khuyến nông phải hướng dẫn người nhận khoán thực hiện GAP.

Lương của cán bộ khuyến nông tùy thuộc vào số lượng lúa mà người lao động nộp và bán cho doanh nghiệp, HTX. Tiền lương cơ bản được tính theo mức sản lượng lúa của người nhận khoán giao nộp cho doanh nghiệp, HTX. Tiền thưởng cho cán bộ khuyến nông tùy thuộc vào số lượng lúa của người nhận khoán bán ngoài định mức cho doanh nghiệp, HTX. Tiền thưởng trích từ lãi của doanh nghiệp, HTX.

a.5. Lương và tiền thưởng của cán bộ quản lý phụ thuộc vào kết quả (quy mô) và hiệu quả kinh tế cuối cùng của doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Tổ chức sản xuất trong CCS.

- Hợp tác xã và xã viên tự nguyện ký hợp đồng về việc HTX cung ứng vật tư, dịch vụ và mua lúa tươi, lúa khô hay gạo theo giá cả do đại hội xã viên quy định, có tham chiếu giá lúa, gạo mà nhà nước mua của HTX;

- Xã viên có toàn quyền chủ động sản xuất trên đất canh tác của mình;

- Việc tranh chấp trong thực hiện hợp đồng giữa xã viên và HTX được xử lý như đối với các UBPC và CPA với xã viên nhận khoán.

c) Quan hệ giữa doanh nghiệp với các loại HTX và trang trại.

Các doanh nghiệp có thể trực tiếp ký hợp đồng sản xuất gia công, mua gom lúa với các loại HTX và trang trại. Nội dung hợp đồng cũng bao gồm những điều tương tự như hợp đồng giữa doanh nghiệp, HTX loại CPA, UBPC với người nhận khoán.

d) Quan hệ giữa doanh nghiệp, HTX và trang trại với ngân hàng.

Các doanh nghiệp và HTX, trang trại trong mô hình thí điểm được ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại nhà nước tại địa phương để thanh toán các khoản mua vật tư, dịch vụ, lúa, gạo...

Căn cứ để ngân hàng ký hợp đồng tín dụng là các hợp đồng giao nhận khoán, hợp đồng gia công sản xuất, mua gom lúa giữa các tổ chức nói trên.

Lãi suất tín dụng do 2 bên thỏa thuận, nhưng không vượt quá lãi suất trần

do Chính phủ quy định. Chính phủ không bù lỗ cho ngân hàng.

e) Các loại HTX cần thay đổi theo hướng:

- Nông dân có quyền tự nguyện tham gia hay không tham gia HTX;

- Hội đồng quản trị do Đại hội xã viên bầu ra gồm chủ tịch, 1 phó chủ tịch và các thành viên (từ 5-7 người). Thành viên HĐQT không hưởng lương, được thanh toán các chi phí để thực hiện chức trách của mình: Kiểm tra thực hiện kế hoạch và cơ chế quản lý sản xuất – phân phối do Đại hội xã viên phê chuẩn.

- Hội đồng quản trị thuê giám đốc điều hành. Giám đốc điều hành phải là nhà quản lý chuyên nghiệp, được trả lương và tiền thưởng theo kết quả (quy mô) và hiệu quả hoạt động của HTX. Giám đốc xây dựng cơ cấu quản lý, chế độ tiền lương, tiền thưởng trình HĐQT phê duyệt và tuyển chọn nhân viên quản lý, nhân viên kỹ thuật. Giám đốc điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh, cơ chế quản lý trình HĐQT và Đại hội xã viên, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và cơ chế quản lý.

- Hoạt động dịch vụ của HTX cho xã viên phải chiếm ít nhất 80% tổng giá trị dịch vụ thực hiện hàng năm;

- HTX bắt buộc phải được kiểm toán hàng năm bởi 1 tổ chức kiểm toán độc lập và báo cáo kết quả kiểm toán trước đại hội xã viên.

4. Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc thí điểm áp dụng chính sách mới đối với ngành sản xuất lúa gạo ở Cu Ba.

4.1 Chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh hiệu quả kinh tế là lợi nhuận và sản lượng gạo sản xuất được tính trên 1 đồng vốn đầu tư, 1 đồng ngoại tệ dùng để nhập khẩu vật tư, máy móc phục vụ cho sản xuất lúa gạo ở các doanh nghiệp, HTX, trang trại được chọn làm thí điểm áp dụng chính sách mới.

4.2 Chỉ tiêu quan trọng thứ hai là giá trị sản lượng gạo (tính theo giá quốc tế) và sản lượng gạo sản xuất được tính trên 1 người lao động trong các doanh nghiệp, HTX, trang trại được chọn làm thí điểm áp dụng chính sách mới.

4.3 Chỉ tiêu năng suất đất đai tính bằng sản lượng gạo được sản xuất trên 1 ha canh tác, 1 ha gieo trồng lúa chỉ là chỉ tiêu thứ yếu, mang tính tham khảo.

Cần lưu ý là dù là quảng canh hay thâm canh tăng năng suất đất đai đều phải đi đôi với việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ độ phì của đất đai và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Việc đánh giá hiệu quả kinh tế của ngành sản xuất lúa gạo ở Cu Ba phải căn cứ vào các chỉ tiêu nói trên.

III. Tổ chức thực hiện.

Chính phủ phê duyệt chủ trương thí điểm áp dụng chính sách mới. Bộ nông nghiệp chủ trì cùng các Bộ có liên quan xây dựng và chỉ đạo thực hiện đề án thí điểm chính sách mới này.